

Quận 7, ngày 04 tháng 7 năm 2023

Số: 269/BB-MNTQ

BIÊN BẢN
NIÊM YẾT CÔNG KHAI
Báo cáo công khai thực hiện tài chính ngân sách quý 2 năm 2023

Căn cứ Thông tư số: 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Công văn số 5121/UBND-GDĐT-TCKH ngày 12/12/2022 của Ủy ban nhân dân Quận 7 về việc hướng dẫn thu, sử dụng học phí năm học 2022 – 2023 của các cơ sở Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn Quận 7;

Căn cứ Quyết định số 8479/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND quận 7 về việc giao dự toán chi ngân sách năm 2023;

Hôm nay, vào lúc 10h00 ngày 04 tháng 7 năm 2023 tại Trường Mầm non Tân Quy

*** Thành phần tham dự**

- | | |
|-------------------------------|---------------------------------|
| 1/ Bà: Thân Thị Thanh Tao | - Hiệu trưởng |
| 2/ Bà: Nguyễn Thị Khánh Kim | - Phó Hiệu trưởng |
| 3/ Bà: Tống Thị Thuỳ Trang | - Phó Hiệu trưởng |
| 4/ Bà: Trần Thị Thuỳ Trang | - Thư ký HĐ |
| 5/ Bà: Nguyễn Thị Xuân Nhân | - Trưởng ban thanh tra nhân dân |
| 6/ Bà: Nguyễn Thị Thanh Sương | - Chủ tịch công Đoàn |
| 7/ Bà: Trần Tống Quỳnh Trang | - Kế toán |

*** Nội dung biên bản**

Tiến hành công khai và niêm yết công khai việc thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước Quý 2/2023, như sau:

- Nội dung niêm yết công khai: Công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước Quý 2/2023 theo biểu số 03 (Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính) đính kèm.

- Hình thức công khai: Niêm yết công khai tại trụ sở Trường Mầm non Tân Quy.

- Địa điểm niêm yết: Tại bảng thông tin cần biết Trường Mầm non Tân Quy.

- Thời gian niêm yết: Kể từ 10h30 phút 04 ngày 7 năm 2023 đến 11h00 ngày 19 tháng 7 năm 2023.

- Biên bản được lập vào lúc 10h30 ngày 04 tháng 7 năm 2023, được lập thành 03 bản: 01 bản niêm yết, 01 bản lưu hồ sơ nhà trường, 01 bản lưu hồ sơ kế toán.

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN



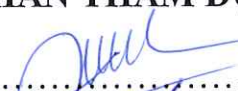
Trần Thị Thuỳ Trang

HIỆU TRƯỞNG



Thân Thị Thanh Tao

THÀNH PHẦN THAM DỰ

Nguyễn Thị Khánh Kim		
Tổng Thị Thuỳ Trang		
Nguyễn Thị Xuân Nhân		
Nguyễn Thị Thanh Sương		
Trần Tống Quỳnh Trang		

Số 268 /QĐ-MNTQ

Quận 7, ngày 04 tháng 07 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai thực hiện dự toán thu-chi ngân sách

Quý 2 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON TÂN QUY

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 8479/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 7 về việc giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ vào Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân Quận 7 về việc tổ chức lại Trường Mầm non Tân Quy và Trường Mầm non Sơn Ca thành Trường Mầm non Tân Quy;

Căn cứ báo cáo công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách quý 2 năm 2023 của Trường Mầm non Tân Quy,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thông báo công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách quý 2 năm 2023 của Trường Mầm non Tân Quy (Chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3: Toàn thể cán bộ, viên chức Trường Mầm non Tân Quy chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Niêm yết tại trụ sở cơ quan;
- Phòng TC – KH Quận 7;
- Như Điều 3;
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG

Thân Thị Thanh Tao

Quận 7, ngày 04 tháng 7 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 2 NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Mầm non Tân Quy công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 2 năm 2022 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 2/2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 2/2022 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi sự nghiệp				
I	Số thu sự nghiệp	6.112	1.284	21,01%	176,13%
1	Hóa đơn bán hàng	518	117	22,59%	#DIV/0!
2	Thu khác	2.275	447	19,65%	81,42%
	Tổ chức phục vụ bán trú	942	189	20,06%	85,14%
	Vệ sinh bán trú	73	15	20,55%	71,43%
	Thiết bị vật dụng bán trú	60	0		
	Anh văn	570	132	23,16%	80,49%
	Thẻ đục nhíp điệu	231	58	25,11%	87,88%
	Vẽ	231	53	22,94%	77,94%
	Hoạt động giữ trẻ hè	168			
3	Thu hộ chi hộ	3.319	720	21,69%	400,00%
	- Đồ dùng học phẩm	53			
	- Tiền ăn bán trú	2.134	461	21,60%	377,87%
	- Tiền ăn sáng	987	240	24,32%	558,14%
	- Bảo hiểm tai nạn	10	0		
	- Tiền điện	90	19	21,11%	271,43%
	- Số liên lạc điện tử	45			
II	Chi từ nguồn thu sự nghiệp		545	#DIV/0!	100,74%
1	Hóa đơn bán hàng	518	117	22,59%	#DIV/0!
2	Thu khác		428	#DIV/0!	79,11%
	Tổ chức phục vụ bán trú	942	188	19,96%	84,68%
	Vệ sinh bán trú	73	15	20,55%	71,43%
	Thiết bị vật dụng bán trú	60	6		
	Anh văn	570	119	20,88%	72,56%
	Thẻ đục nhíp điệu	231	52	22,51%	78,79%
	Vẽ	231	48	20,78%	70,59%
	Hoạt động giữ trẻ hè	168			

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 2/2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 2/2022 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
3	Thu hộ chi hộ		689	#DIV/0!	382,78%
	- Đồ dùng học phẩm	53	4		
	- Tiền ăn bán trú	2.134	427	20,01%	350,00%
	- Tiền ăn sáng	987	241	24,42%	560,47%
	- Bảo hiểm tai nạn	10	0		
	- Tiền điện	90	17	18,89%	242,86%
	- Số liên lạc điện tử	45			
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5532	1179	21,31%	56,06%
I	Nguồn ngân sách trong nước	5532	1179	21,31%	56,06%
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công				
2.2	năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	5.532	1.179	21,31%	56,06%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.532	1.179	21,31%	84,15%
	Tiểu mục 6001	1.600	369	23,06%	65,54%
	Tiểu mục 6051	700	161	23,00%	58,33%
	Tiểu mục 6101	40	9	22,50%	75,00%
	Tiểu mục 6105	290	96	33,10%	
	Tiểu mục 6112	620	130	20,97%	66,67%
	Tiểu mục 6113	0		#DIV/0!	0,00%
	Tiểu mục 6115	400	78	19,50%	65,55%
	Tiểu mục 6301	700	104	14,86%	63,80%
	Tiểu mục 6302	95	18	18,95%	64,29%
	Tiểu mục 6303	61	12	19,67%	63,16%
	Tiểu mục 6304	31	6	19,35%	66,67%
	Tiểu mục 6349	16	3	18,75%	60,00%
	Tiểu mục 6449	750	160	21,33%	
	Tiểu mục 6501	10			
	Tiểu mục 6551	40			
	Tiểu mục 6552	0			
	Tiểu mục 6704	18	3	16,67%	42,86%
	Tiểu mục 6754	10			
	Tiểu mục 6757	30	25		
	Tiểu mục 6905	11			
	Tiểu mục 6954	20			
	Tiểu mục 7001	90	5		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			0,279124316	0
	Tiểu mục 6449	2558	714	27,91%	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 2/2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 2/2022 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	tân				
9.1	Dự án A				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 2/2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 2/2022 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	tân				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				



Thủ trưởng đơn vị

Thân Thị Thanh Tao

THUYẾT MINH CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC
QUÝ 2/2023

Dvt: đồng

STT	CHỈ TIÊU			Dự toán quý 2/ 2023	TỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO TỪ NGUỒN NGÂN SẮC			Ghi chú
	MỤC	MÃ NDKT	NỘI DUNG CHI		12.622.071 Không Tự chủ	14.622.071 CTTL (TK 10% chi TX)	14.622.071 CTTL (NQ 03)	
1	6000		<i>Tiền lương</i>	369.937.198	369.937.198	-	-	
		6001	Lương biên chế	369.937.198	369.937.198			
	6050		<i>Tiền lương HD</i>	161.448.000	161.448.000	-	-	
		6051	Lương HD ND68	161.448.000	161.448.000			
2	6100		<i>Các khoản phụ cấp</i>	312.858.921	312.858.921	-	-	
		6101	Phụ cấp chức vụ:	8.940.000	8.940.000			
		6105	Phụ cấp làm đêm, thêm giờ	96.394.715	96.394.715			
		6112	Phụ cấp ưu đãi	129.984.620	129.984.620			
		6113	Phụ cấp trách nhiệm	0	-			
		6115	Phụ cấp TNVK, PCTNNG	77.539.586	77.539.586			
3	6200		<i>Khen thưởng</i>	-	-	-	-	
		6201	Khen thưởng cá nhân LDTT	-	-			
4	6300		<i>Các khoản đóng góp</i>	144.140.739	144.140.739	-	-	
		6301	BHXH	104.272.015	104.272.015			
		6302	BHYT	18.400.950	18.400.950			
		6303	Kinh phí Công đoàn	12.267.293	12.267.293			
		6304	BHTN	6.133.654	6.133.654			
		6349	BHTNLĐ-BNN	3.066.827	3.066.827			
5	6400		<i>Các khoản thanh toán cá nhân</i>	713.810.009		-	713.810.009	
		6449	Chi khác	873.517.384	159.707.375		713.810.009	
6	6500		<i>Thanh toán DV công cộng</i>	-	-	-	-	
		6501	Tiền điện	-				
		6502	Tiền nước	-				
		6504	Vệ sinh môi trường	-	-			
7	6550		<i>Vật tư, văn phòng</i>	-	-	-	-	
		6551	Văn phòng phẩm	-	-			

2	6100		Các khoản phụ cấp		312.858.921	312.858.921	-	-	
		6552	Công cụ, dụng cụ		-				
		6599	Vật tư văn phòng khác		-				
8	6600		Thông tin liên lạc		-	-	-	-	
		6605	Cước phí ĐT trong nước		-				
		6608	Bảo, tạp chí		-				
		6618	Khoản điện thoại		-				
9	6700		Công tác phí		3.000.000	3.000.000	-	-	
		6704	Công tác phí khoán		3.000.000	3.000.000			
10	6750		Chi phí thuê mướn		25.132.890	25.132.890	-	-	
		6754	Thuê thiết bị các loại		0				
		6757				25.132.890			
11	6900		Sửa chữa thường xuyên		-	-	-	-	
		6912	TS thiết bị chuyên dùng		-				
		6921	Đường điện, cấp thoát nước		-	-			
12	7000		Chi phí nghiệp vụ CM		5.282.640	5.282.640	-	-	
		7001	Chi mua hàng hóa vật tư		5.282.640	5.282.640			
		7049	Chi phí CM khác		-				
16	7750		Chi khác		-	-	-	-	
		7756	Phí chuyển khoản ATM		-	-			
		7799	Chi khác		-	-			

* Ghi chú: Công khai niêm yết trên bảng tin từ ngày 04/07/2023 đến ngày 31/07/2023

Ngày 04 tháng 7 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Phân Thị Thanh Tao

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG MẦM NON TÂN QUY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 297 /QĐ-MNTQ

Quận 7, ngày 14 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai thực hiện dự toán thu-chi ngân sách
6 tháng đầu năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON TÂN QUY

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 8479/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 7 về việc giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ vào Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân Quận 7 về việc tổ chức lại Trường Mầm non Tân Quy và Trường Mầm non Sơn Ca thành Trường Mầm non Tân Quy;

Căn cứ báo cáo công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2023 của Trường Mầm non Tân Quy,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thông báo công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách quý 3 năm 2023 của Trường Mầm non Tân Quy (*Chi tiết theo biểu đính kèm*).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3: Toàn thể cán bộ, viên chức Trường Mầm non Tân Quy chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Niêm yết tại trụ sở cơ quan;
- Phòng TC – KH Quận 7;
- Như Điều 3;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Thân Thị Thanh Tao

Quận 7, ngày 05 tháng 7 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Mầm non Tân Quy công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 06 tháng đầu năm 2022 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi sự nghiệp				
I	Số thu sự nghiệp	6.112	2.642	43,23%	94,22%
1	Hóa đơn bán hàng	518	518	100,00%	92,17%
2	Thu khác	2.275	447	19,65%	19,94%
	Tổ chức phục vụ bán trú	942	408	43,31%	39,53%
	Vệ sinh bán trú	73	37	50,68%	42,05%
	Thiết bị vật dụng bán trú	60	1	1,67%	1,56%
	Anh văn	570	285	50,00%	50,89%
	Thẻ đục nhíp điệu	231	125	54,11%	60,98%
	Vẽ	231	116	50,22%	56,04%
	Hoạt động giữ trẻ hè	168			
3	Thu hộ chi hộ	3.319	1.677	50,53%	41,62%
	- Đồ dùng học phẩm	53	1		
	- Tiền ăn bán trú	2.134	1068	50,05%	39,25%
	- Tiền ăn sáng	987	562	56,94%	48,57%
	- Bảo hiểm tai nạn	10	0		
	- Tiền điện	90	46	51,11%	50,55%
	- Sổ liên lạc điện tử	45			
II	Chi từ nguồn thu sự nghiệp	2.226	518	23,27%	18,53%
1	Hóa đơn bán hàng	518	518	100,00%	92,17%
2	Thu khác	1.708		0,00%	0,00%
	Tổ chức phục vụ bán trú	712	407	57,16%	39,44%
	Vệ sinh bán trú	57	31	54,39%	35,23%
	Thiết bị vật dụng bán trú	48	27	56,25%	48,21%
	Anh văn	477	267	55,97%	47,68%
	Thẻ đục nhíp điệu	167	115	68,86%	56,10%
	Vẽ	167	109	65,27%	52,66%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Hoạt động giữ trẻ hè	80	0	0,00%	
3	Thu hộ chi hộ	3.334	1.641	49,22%	40,73%
	- Đồ dùng học phẩm	34	18		
	- Tiền ăn bán trú	2.252	1068	47,42%	39,25%
	- Tiền ăn sáng	965	519	53,78%	44,86%
	- Bảo hiểm tai nạn	10	0		
	- Tiền điện	73	35	47,95%	38,46%
	- Số liên lạc điện tử		1		
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8090	3303	40,83%	#REF!
I	Nguồn ngân sách trong nước	8090	3303	40,83%	#REF!
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công				
2.2	năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	8.090	3.303	40,83%	#REF!
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.532	2.424	43,82%	#REF!
	Tiểu mục 6001	1.600	764	47,75%	135,70%
	Tiểu mục 6051	700	322		
	Tiểu mục 6101	40	18	45,00%	150,00%
	Tiểu mục 6105	290	149	51,38%	
	Tiểu mục 6112	620	265	42,74%	135,90%
	Tiểu mục 6115	400	159	39,75%	133,61%
	Tiểu mục 6301	700	213	30,43%	130,67%
	Tiểu mục 6302	95	37	38,95%	132,14%
	Tiểu mục 6303	61	25	40,98%	131,58%
	Tiểu mục 6304	31	12	38,71%	133,33%
	Tiểu mục 6349	16	6	37,50%	120,00%
	Tiểu mục 6449	750	400		
	Tiểu mục 6501	10			
	Tiểu mục 6502	0			
	Tiểu mục 6551	40	5		
	Tiểu mục 6552	0			
	Tiểu mục 6599	0			
	Tiểu mục 6605	0	0	#DIV/0!	
	Tiểu mục 6608	0	0		
	Tiểu mục 6618	0	0		
	Tiểu mục 6704	18	7	38,89%	100,00%
	Tiểu mục 6754	10	1	10,00%	25,00%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Tiêu mục 6757	40	33		
	Tiêu mục 6905	11			
	Tiêu mục 6954	20			
	Tiêu mục 6912	0	1	#DIV/0!	
	Tiêu mục 7001	80	7		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2558	879		
	Tiêu mục 6449	2558	879	34,36%	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				



Thủ trưởng đơn vị

Thân Thị Thanh Tao

THUYẾT MINH CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

CHỈ TIÊU			Dự toán quý 2/ 2023	Ư TOÁN ĐƯỢC GIAO TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH			Ghi chú
STT	MỤC	MÃ NDKT		12.622.071 Tự chủ	14.622.071 CTTL (TK 10% chi TX)	14.622.071 CTTL (NQ 03)	
1	6000		Tiền lương	764.265.696			
		6001	Lương biên chế	764.265.696		-	
	6050		Tiền lương HĐ	-		-	
		6051	Lương HĐ ND68	322.896.000			
	6100		Các khoản phụ cấp	591.066.516	-		
		6101	Phụ cấp chức vụ:	17.880.000			
		6105	Phụ cấp làm đêm, thêm giờ	149.214.485			
		6112	Phụ cấp ưu đãi	265.142.520			
		6113	Phụ cấp trách nhiệm	298.000			
		6115	Phụ cấp TNVK, PCTNNG	158.531.511			
3	6200		Khen thưởng	-	-		
		6201	Khen thưởng cá nhân LĐTT	-			
		6202	Khen thưởng đột xuất	-			
4	6300		Các khoản đóng góp	294.949.893	-	-	
		6301	BHXH	213.277.447			
		6302	BHYT	37.637.212			
		6303	Kinh phí Công đoàn	25.216.617			
		6304	BHTN	12.545.744			
5		6349	BHTNLD-BNN	6.272.873			
	6400		Các khoản thanh toán cá nhân	1.278.640.385	-	879.008.693	
		6449	Chi khác	1.278.640.385	-	879.008.693	
6	6500		Thanh toán DV công cộng	-	-	-	
		6501	Tiền điện	-			
		6502	Tiền nước	-			
		6504	Vệ sinh môi trường	-			
		...					

Đvt: đồng

2	6100		Các khoản phụ cấp	591.066.516	591.066.516	-		
7	6550		Vật tư, văn phòng	4.772.000	4.772.000	-	-	
		6551	Văn phòng phẩm	4.772.000	4.772.000	-		
		6552	Công cụ, dụng cụ	-		-		
		6599	Vật tư văn phòng khác	-		-		
8	6600		Thông tin liên lạc	-	-	-	-	
		6605	Cước phí ĐT trong nước	0	-	-		
		6608	Bảo, tạp chí	-	-	-		
		6618	Khoản điện thoại	-	-	-		
9	6700		Công tác phí	7.000.000	7.000.000	-	-	
		6704	Công tác phí khoán	7.000.000	7.000.000	-		
10	6750		Chi phí thuê mượn	35.145.360	35.145.360	-	-	
		6754	Thuê thiết bị các loại	1.760.000	1.760.000	-		
		6757		33.385.360	33.385.360			
11	6900		Sửa chữa thường xuyên	915.000	915.000	-	-	
		6912	TS thiết bị chuyên dùng	915.000	915.000	-		
		6921	Đường điện, cấp thoát nước	-	-	-		
12	7000		Chi phí nghiệp vụ CM	7.042.640	7.042.640	-	-	
		7001	Chi mua hàng hóa vật tư	7.042.640	7.042.640	-	-	
		7049	Chi phí CM khác	-	-	-		
16	7750		Chi khác	-	-	-	-	
		7756	Phí chuyển khoản ATM	-	-	-		
		7799	Chi khác	-	-	-		

* **Ghi chú:** Công khai niêm yết trên bảng tin từ ngày 05/07/2023 đến ngày 31/07/2023

Ngày 05 tháng 7 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



*Phân Thị Thanh Tao

Số: 294/BB-MNTQ

Quận 7, ngày 29 tháng 7 năm 2023

BIÊN BẢN
Kết thúc niêm yết công khai tình hình thực hiện dự toán quý 2 và 6 tháng đầu năm 2023

Hôm nay, vào lúc 11h15 ngày 29 tháng 7 năm 2023 tại Trường Mầm non Tân Quy

*** Chúng tôi gồm có:**

- | | |
|-------------------------------|---------------------------------|
| 1/ Bà: Thân Thị Thanh Tao | - Hiệu trưởng |
| 2/ Bà: Tống Thị Thuỳ Trang | - Phó Hiệu trưởng |
| 3/ Bà: Trần Thị Thuỳ Trang | - Thư ký HĐ |
| 4/ Bà: Nguyễn Thị Xuân Nhân | - Trưởng ban thanh tra nhân dân |
| 5/ Bà: Nguyễn Thị Thanh Sương | - Chủ tịch công Đoàn |
| 6/ Bà: Trần Tống Quỳnh Trang | - Kế toán |

- Đã tiến hành kết thúc việc niêm yết công khai tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước Quý 2 và 6 tháng đầu năm 2023.

- Thời gian kết thúc niêm yết: Kể từ 11h30 phút ngày 29 tháng 7 năm 2023.

- Biên bản được hoàn thành vào lúc 11h30 cùng ngày và được thống nhất thông qua, niêm yết theo đúng qui định.



HIỆU TRƯỞNG

P.HIỆU TRƯỞNG

KẾ TOÁN

Thân Thị Thanh Tao

Tống Thị Thuỳ Trang

Trần Tống Quỳnh Trang

THÀNH PHẦN THAM DỰ

Nguyễn Thị Xuân Nhân

Nguyễn Thị Thanh Sương

.....
.....

